

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 56/2022/DS-ST

Ngày: 19-05-2022

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LX, TỈNH AG**

• Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên

2. Bà Đặng Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị X Bích - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố LX.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 05 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố LX xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 229/2021/TTST-DS ngày 01 tháng 12 năm 2021, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2022/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 04 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số: 112/2022/QĐST-DS ngày 29 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đăng K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: số 83 khóm B 5, phường BK, thành phố LX, tỉnh AG. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Bà Lê Ngọc C, sinh năm 1975.

Địa chỉ: số 20/32 khóm T, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG. (vắng mặt)

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Nguyễn Thanh X, sinh năm 1969.

Địa chỉ: số 20/32 khóm T, phường MT thành phố LX, tỉnh AG. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng ngày 22/11/2021, trong quá trình giải quyết vụ án ông Đỗ Đăng K trình bày: Do quen biết nên cho bà C vay tiền nhiều lần cụ thể như sau:

Ngày 15/10/2020 cho vay 150.000.000đ, lãi suất 3%/tháng, thời gian vay 4 tháng, bà C trả tiền lãi trong hạn được 2 tháng với số tiền 9.000.000đ, bà C có ký tên ghi rõ họ tên trong biên nhận, ông K trực tiếp giao tiền cho bà C và có thể chấp cho ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06625, ngày 25/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Ngọc C.

Đến ngày 31/05/2021 bà C vay thêm 32.000.000đ để giải quyết khó khăn, không thỏa thuận thời gian, lãi suất. Việc vay tiền giữa ông K và bà C không liên quan tới ông X.

Trong thời gian vay, ông K nhiều lần liên hệ bà C và có hứa hẹn thanh toán nhưng không thực hiện nên ông K khởi kiện yêu cầu bà C trả số tiền 231.500.000đ. Trong đó, tiền vốn 182.000.000đ, tiền lãi 49.500.000đ (tạm tính đến ngày 14/10/2021), yêu cầu trả tiền lãi phát sinh sau ngày 14/12/2021 đến khi trả dứt nợ. Ông K yêu cầu đưa ông X vào tham gia liên quan do tài sản nhà, đất do ông X và bà C cùng đứng tên để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ về sau của bà C và tự nguyện giao trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X và bà C theo quy định pháp luật.

Bị đơn bà C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông X vắng mặt, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ có liên quan do Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định pháp luật và không đưa ra yêu cầu phản tố, độc lập đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, ông K trình bày:

Đối với số tiền vốn 150.000.000đ: Yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ tiền lãi trong hạn đã nhận 9.000.000đ/2 tháng (từ ngày 15/10/2020 – 15/12/2020) với mức lãi suất 3%/tháng là cao hơn so với quy định pháp luật với số tiền được tính là 3.990.000đ, trừ vào 150.000.000đ nên tiền vốn còn lại là 146.010.000đ và yêu cầu tính tiền lãi nợ quá hạn trên số tiền vốn cho đến khi bà C tất toán cho ông K.

Đối với số tiền vốn 32.000.000đ: Bà C vay thêm để giải quyết khó khăn nên không tính lãi suất và thời hạn nên ông K yêu cầu trả số tiền vốn, lãi theo mức lãi suất theo quy định pháp luật 0,83%/tháng, từ ngày 31/05/2021 đến khi bà C thanh toán xong số tiền vốn, lãi. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH06625, ngày 25/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Ngọc C, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 152,8m², đất ở tại đô thị, đất tọa lạc tại phường Mỹ Thới, thành phố LX, tỉnh AG ông K tự nguyện giao trả cho bà C và ông X theo quy định pháp luật.

Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Thanh X vắng mặt không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX:

Về thủ tục tố tụng:

Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, áp dụng đúng quan hệ pháp luật tranh chấp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, về thẩm quyền giải quyết vụ án do bị đơn có địa chỉ cư trú tại thành phố LX nên Tòa án nhân dân thành phố LX đã thụ lý giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định tại Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản tố tụng được tổng đạt trực tiếp cho nguyên đơn. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan do vắng mặt tại thời điểm tổng đạt nên Tòa án có thực hiện niêm yết đúng theo quy định là thực hiện đúng theo quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng cư trú của bị đơn, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015. Riêng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa

vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn ông K căn cứ biên nhận 15/10/2020 để yêu cầu bà C trả số tiền 231.000.000đ. Trong đó, tiền vốn 182.000.000đ, tiền lãi 49.500.000đ và yêu cầu trả tiền lãi phát sinh.

Căn cứ phiếu xác minh nơi cư trú ngày 14/02/2022 bà C và ông X có nơi cư trú tại phường Mỹ Thới, thành phố LX và Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà C và ông X nhưng ông bà vắng mặt không có ý kiến trình bày nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

Nhận thấy, giao dịch dân sự giữa các bên đương sự phù hợp theo quy định pháp luật, trên cơ sở tự nguyện. Do bà C không thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên ông K khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền vốn lãi là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc ông K giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 06625 ngày 25/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông X và bà C. Nhận thấy các bên chưa xác lập hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định pháp luật nên việc giữ giấy chứng nhận không đảm bảo quy định pháp luật, ông K có nghĩa vụ trả lại cho bà C và ông X là phù hợp quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố LX, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đỗ Đăng K có mặt, Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Thanh X vắng mặt không có lý do, không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, Tòa án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết công khai các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, các thông báo cho các đương sự theo quy định tại Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa hôm nay bà C và ông X không đến Tòa là vắng mặt. Do đó, áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông X là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đăng K buộc bà Lê Ngọc C trả lại cho ông số tiền vay 182.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Xét yêu cầu của ông K phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên quan hệ pháp luật được xét là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hiện nay bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Thanh X hiện có nơi cư trú phường Mỹ Thới, thành phố LX, tỉnh AG, nên áp dụng điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố LX, tỉnh AG.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Hội đồng xét xử xét thấy theo biên nhận ngày 15/10/2020 bà Lê Ngọc C, sinh năm 1975, chứng minh nhân dân số 351.0740360, cấp ngày 09/08/2018 tại LX, AG; ngụ tại 20/32 khóm Trung Thạnh, phường Mỹ Thới, thành phố LX, tỉnh AG có mượn của ông Đỗ Đăng K, sinh năm 1981, chứng minh nhân dân số 351.439.516, cấp ngày 15/10/2015 ngụ phường Bình Khánh, thành phố LX, AG số tiền 150.000.000đ, hai bên thoả thuận (hẹn) vay trong thời gian 4 tháng. Trong đó, bà C có giao cho ông K giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE183282, sổ vào sổ CH06625, ngày 25/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho bà C và ông X. Qua ý kiến trình bày của ông K cho bà C vay số tiền còn 150.000.000đ, lãi suất 3%/ tháng, thời hạn cho vay 4 tháng kể từ ngày 15/10/2020. Bà C có trả tiền lãi hai tháng 9.000.000đ thì ngưng thanh toán cho đến nay không trả vốn, lãi.

[3.2] Đến ngày 31/05/2021 bà C có nhận thêm của ông K số tiền 32.000.000đ để giải quyết khó khăn và cam kết khi bán được nhà, đất (nhà, đất đang cầm cho ông K) sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ mà bà C đã vay của ông K.

[3.3] Quá trình Tòa án giải quyết, ông K khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm hoàn trả số tiền vốn vay 150.000.000đ, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Đối với số tiền 32.000.000đ yêu cầu bà C trả tiền vốn là lãi theo quy định pháp luật. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH06625 ông K hoàn trả cho bà C và ông X theo quy định pháp luật. Bà C và ông X vắng mặt không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và không đưa yêu cầu phản tố, độc lập với các đương sự có liên quan

[4] Hội đồng xét xử nhận định về vụ án:

[4.1] Căn cứ tài liệu, chứng cứ; lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử nhận thấy biên nhận ngày 15/10/2020 bà C ký tên ghi rõ họ tên đã nhận 150.000.000đ của ông K, thời hạn vay 4 tháng, lãi suất 3 %/ tháng. Ông K đã tìm cách

liên hệ bà C để giải quyết số tiền nợ 150.000.000đ nhưng bà C vắng mặt. Nay, ông K khởi kiện yêu cầu bà C có trách nhiệm trả số tiền nợ vốn còn lại 146.010.000đ. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi. Phía bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền được quy định tại khoản 1 điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên yêu cầu của ông K là có căn cứ chấp nhận, bà C có trách nhiệm trả cho ông K số tiền vốn 146.010.000đ. Xét biên nhận ngày 15/10/2020 thuộc trường hợp khoản 2 điều 92 bộ luật tố tụng dân sự 2015 nên không cần phải chứng minh. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, buộc bà C trả tiền vốn 146.010.000đ.

[4.2] Về tiền lãi:

[4.2.1] Tiền lãi trong hạn:

Theo ông K trình bày và xác định bà C đã thanh toán 2 tháng tiền lãi trong hạn từ ngày 15/10/2020 đến ngày 15/12/2020 với số tiền 9.000.000đ. Tại phiên tòa ông K yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 1,67%/ tháng. Cụ thể:

$150.000.000đ \times 1,67\% / \text{tháng} \times 2 \text{ tháng} = 5.010.000đ$. Lẽ ra bà C chỉ trả cho ông K 5.010.000đ, nhưng bà C đã trả 9.000.000đ nên Hội đồng xét xử xem xét khấu trừ số tiền lãi vượt đã nhận: $9.000.000đ - 5.010.000đ = 3.990.000đ$. Tại phiên tòa, ông K tự nguyện khấu trừ số tiền 3.990.000đ đã nhận vào số tiền vốn 150.000.000đ (số tiền vốn còn lại là $150.000.000đ - 3.990.000đ = 146.010.000đ$).

Đối với 2 tháng tiền lãi trong hạn còn lại bà C phải trả cho ông K cụ thể:

$146.010.000đ \times 1,67\% \times 2 \text{ tháng} = 4.876.734đ$.

[4.2.2] Tiền lãi quá hạn: từ ngày 16/02/2021 đến ngày 19/05/2022: $146.010.000đ \times 2,5\% / \text{tháng} \times 15 \text{ tháng} 4 \text{ ngày} = 55.240.450đ$.

Tổng tiền vốn, lãi: $146.010.000đ + 4.876.734đ + 55.240.450đ = 206.127.184đ$.

[5] Đối với số tiền vốn 32.000.000đ, ông K xác định chị cho bà C vay không thời hạn, không lãi suất nhằm giải quyết khó khăn của bà C. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa ông K yêu cầu bà C trả số tiền vốn và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật. Xét biên nhận ngày 31/05/2021 bà C có ký tên nhận số tiền vốn 32.000.000đ của ông Đỗ Đăng K và bà C cam kết khi bán được nhà, đất sẽ thanh toán tất cả các khoản nợ mà bà C mượn ông K. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo, quyết định theo quy định pháp luật cho bà C thực hiện

quyền, nghĩa vụ của đương sự để bảo vệ quyền lợi của bà C nhưng vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày, không cung cấp tài liệu chứng cứ có liên quan, không đưa ra yêu cầu phản tố đối với ý kiến yêu cầu và các tài liệu, chứng cứ do ông K cung cấp nên phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật. Do đó, có căn cứ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K đối với bà C. Buộc bà C có nghĩa vụ hoàn trả số tiền vốn 32.000.000đ là phù hợp quy định pháp luật.

[5.1] Về tiền lãi: Xét biên nhận vay tiền 31/05/2021 trong đó thể hiện các đương sự thỏa thuận vay không lãi suất, không kỳ hạn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điều 357 khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 xem xét về tiền lãi như sau:

$$32.000.000\text{đ} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 11 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 3.080.945\text{đ}$$

[5.2] Tổng số tiền vốn, lãi được tính là: $32.000.000\text{đ} + 3.080.945\text{đ} = 35.080.954\text{đ}$.

[6] Như vậy, tổng số tiền vốn và lãi bà Lê Ngọc C có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Đăng K là: $206.127.184\text{đ} + 35.080.954\text{đ} = 241.208.138\text{đ}$.

[7] Đối với trách nhiệm liên đới của ông Nguyễn Thanh X, ông K không yêu cầu xem xét nên Hội đồng xét xử không xét đến. Riêng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH0665, ngày 25/10/2016 cho Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Ngọc C, thuộc thửa đất số 344, tờ bản đồ số 8, diện tích 152,8 m² ông K, giữa ông K và bà C, ông X không thực hiện thủ tục xác lập hợp đồng thế chấp, đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định pháp luật nên không có căn cứ xem xét nhưng ông K tự nguyện giao trả cho ông X và bà C theo quy định pháp luật, bà C và ông X không có ý kiến đối với yêu cầu của ông K. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của ông K về việc giao (gửi) giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X và bà C là phù hợp quy định pháp luật nên hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: yêu cầu khởi kiện của ông K được chấp nhận nên được nhận lại 5.787.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp theo biên lai thu số 0000707, ngày 26/11/2021 của C cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG. Bà C phải chịu tiền án phí 12.067.069đ (làm tròn) 12.060.406 tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 điều 39; điều 147, điều 179, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228; điều 233, điều 271, điều 273, điều 278, điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Điều 463, 466, 468, 469, 357 Bộ luật dân sự 2015.

Khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Đăng K đối với bà Lê Ngọc C. Buộc bà Lê Ngọc C trả cho ông Đỗ Đăng K số tiền 241.208.138 đồng (hai trăm bốn mươi một triệu, hai trăm lẻ tám ngàn, một trăm ba mươi tám đồng).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Trả lại cho ông Đỗ Đăng K số tiền 5.787.000đ theo biên lai thu số 0000707 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của C cục thi hành án dân sự thành phố LX, tỉnh AG.

Bà Lê Ngọc C phải chịu số tiền 12.060.406đ (mười hai triệu, lẻ sáu mươi ngàn, bốn trăm lẻ sáu đồng) tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ghi nhận sự tự nguyện ông Đỗ Đăng K giao 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH.06625, ngày 25/10/2016 do Ủy ban nhân dân thành phố LX cấp cho ông Nguyễn Thanh X và bà Lê Ngọc C.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ông Đỗ Đăng K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Ngọc C và ông Nguyễn Thanh X được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của các đương sự.

Trường hợp tránh án được thi hành theo quy định tại điều hai luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

(Đã giải thích Điều 26 Luật thi hành án)

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND-TPLX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SỞ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Phương